

**TRƯỜNG ĐẠI HỌC CẦN THƠ
KHOA MÔI TRƯỜNG VÀ TÀI NGUYÊN THIÊN THIÊN**



**BẢN MÔ TẢ
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
VÀ CHƯƠNG TRÌNH DẠY HỌC**

**NGÀNH QUẢN LÝ ĐẤT ĐAI
TRÌNH ĐỘ TIẾN SĨ MÃNGÀNH: 9850103**

Cần Thơ, tháng 01 năm 2021

MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO VÀ CHƯƠNG TRÌNH DẠY HỌC
TRÌNH ĐỘ TIẾN SĨ NGÀNH QUẢN LÝ ĐẤT ĐAI

I. MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Căn cứ Quyết định số 6460/QĐ-ĐHCT ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Hiệu trưởng Trường Đại học Cần Thơ về việc ban hành chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ, Chương trình đào tạo ngành Quản lý Đất đai được mô tả như sau:

1. Thông tin chung về chương trình đào tạo

Tên chương trình (tiếng Việt)	Quản lý Đất đai
Tên chương trình (tiếng Anh)	Land management
Mã số ngành đào tạo	9850103
Trường cấp bằng	Trường Đại học Cần Thơ
Tên gọi văn bằng	Bằng tiến sĩ Quản lý Đất đai
Trình độ đào tạo	Tiến sĩ
Số tín chỉ yêu cầu	90tín chỉ
Hình thức đào tạo	Chính quy
Thời gian đào tạo	03 năm
Đối tượng tuyển sinh	Người có bằng đại học ngành đúng hoặc ngành gần: - Quản lý đất đai - Khoa học đất - Quản lý tài nguyên và Môi trường Các ngành khác có chương trình đào tạo ở trình độ thạc sĩ khác nhau từ 10% đến 40% tổng số tín chỉ.
Thang điểm đánh giá	Thang điểm 4
Điều kiện tốt nghiệp	- Đã hoàn thành các học phần trình độ thạc sĩ, các học phần bổ sung (nếu có), các học phần của CTĐT tiến sĩ, các chuyên đề, tiểu luận tổng quan;Đã công bố tối thiểu 02 bài báo về kết quả nghiên cứu của luận án trong đó có 01 bài đăng trên tạp chí khoa học thuộc danh mục các tạp chí ISI-Scopus hoặc đã công bố tối thiểu 02 báo cáo trong kỳ yếu hội thảo quốc tế có phản biện hoặc 02 bài báo đăng trên tạp chí khoa học nước ngoài có phản biện; - Không trong thời gian thi hành án hình sự, kỷ luật từ mức cảnh cáo trở lên;

	<ul style="list-style-type: none"> - Được Hội đồng đánh giá luận án cấp Trường thông qua; - Được Hội đồng Khoa học và Đào tạo Trường thông qua danh sách nghiên cứu sinh được xét cấp bằng tiến sĩ.
Vị trí việc làm	<ul style="list-style-type: none"> - Cán bộ công chức, viên chức, cán bộ kỹ thuật tại các cơ quan hành chính nhà nước liên quan đến quản lý đất đai như Bộ/Sở/Phòng Tài nguyên và môi trường và các đơn vị trực thuộc, Cán bộ địa chính tại các xã phường. - Chuyên viên cho UBND cấp Tỉnh/huyện và các đơn vị trực thuộc liên quan đến ngành quản lý đất đai, các sở/ban ngành có liên quan đến lĩnh vực tài nguyên đất đai. - Cán bộ viên chức, nghiên cứu, kỹ thuật tại các viện/trung tâm nghiên cứu có liên quan đến quản lý và phát triển đất đai như các viện về quy hoạch – thiết kế nông nghiệp/đô thị, ban quản lý các dự án, phát triển quỹ đất, đăng ký đất đai, kỹ thuật tài nguyên và môi trường, đo đạc bản đồ, quản lý đất đai, đo đạc – bản đồ,.... - Chuyên gia tư vấn, nhân viên cho các công ty thuộc các lĩnh vực liên quan như Công ty đo đạc, công ty môi giới và định giá bất động sản, các đơn vị thẩm định giá (ngân hàng, công ty thẩm định giá), ban quản lý dự án liên quan đến đất đai và bất động sản. - Giảng viên hay nghiên cứu viên tại các trường đại học, cao đẳng, trung học chuyên nghiệp, trung tâm dạy nghề về các lĩnh vực liên quan đến Quản lý Đất đai.
Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi tốt nghiệp	<ul style="list-style-type: none"> - Có khả năng học tập nghiên cứu ở trình độ sau tiến sĩ trong và ngoài nước ngành Quản lý Đất đai và các ngành gần có liên quan Môi trường đất và nước, Khoa học đất, Phát triển Nông thôn, Quản lý Tài nguyên, Quy hoạch vùng và đô thị, Quản lý tài nguyên, Quản lý khoa học và công nghệ,... - Có khả năng tự học tập và nghiên cứu nâng cao trình độ để đảm nhận tốt các công việc, nhiệm vụ về quản lý và chuyên môn nghiệp vụ.
Tham khảo khi xây dựng chương trình đào tạo	<ul style="list-style-type: none"> - Ghi địa chỉ website: + Chương trình ngành QLDD trường Đại học Nông Lâm Huế (https://tndmt.huaf.edu.vn/2012/03/24/chuong-trinh-dao-cao-tien-si-chuyen-nganh-quan-ly-dat-dai/) + Chương trình ngành QLDD Học viện nông nghiệp Việt Nam https://www.vnua.edu.vn/dao-cao-tien-si-chuyen-nganh-quan-ly-dat-dai/ + Chương trình ngành QLDD trường Đại học Thái Nguyên (http://tnu.edu.vn/cac-nganh-dao-cao-tien-si-tai-dai-hoc-thai-nguyen-dn1199.html)

Thông tin về đánh giá, kiểm định chương trình đào tạo	- Trường Đại học Cần Thơ đã được chứng nhận đạt chất lượng cơ sở giáo dục giai đoạn 2018 – 2023.
Thời gian cập nhật bản mô tả	Tháng 01 năm 2021

2. Mục tiêu đào tạo của chương trình đào tạo

2.1. Mục tiêu chung

Mục tiêu chung của chương trình đào tạo là nâng cao trình độ chuyên môn và năng lực trong công tác quản lý đất đai, có kiến thức chuyên sâu đảm nhiệm nhiệm vụ quản lý, giảng dạy và nghiên cứu khoa học, ứng dụng vào thực tế một cách có hiệu quả trong điều kiện tự nhiên và kinh tế xã hội của Đồng bằng sông Cửu Long. Hiểu rõ kiến thức chuyên môn, nghiệp vụ, kỹ thuật và có khả năng vận dụng thành thạo các tiến bộ khoa học kỹ thuật và công nghệ trong công tác quản lý đất đai.

2.2. Mục tiêu cụ thể

Mục tiêu cụ thể của chương trình đào tạo:

- Có kiến thức chuyên sâu về các lĩnh vực thuộc quản lý đất đai, quản lý nhà nước về đất đai và làm chủ công nghệ trong quản lý đất đai, công nghệ địa chính.
- Vận dụng được những kiến thức cần thiết của các chuyên ngành liên quan nhằm nâng cao kiến thức khoa học liên ngành, phục vụ tốt cho công tác nghiên cứu khoa học và phục vụ thực tiễn tốt công tác quản lý đất đai của vùng Đồng bằng sông Cửu Long và Quốc gia.
- Có kỹ năng chuyên môn cao trong việc Quản lý Tài nguyên đất đai, nắm vững thực tiễn Việt Nam và đặc biệt là vùng Đồng bằng sông Cửu Long, giải quyết một cách độc lập các vấn đề lý luận và thực tiễn của ngành Quản lý tài nguyên đất đai.

3. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Hoàn thành chương trình đào tạo người học đạt được kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ và trách nhiệm như sau:

3.1. Kiến thức

- Hiểu biết sâu và vận dụng tốt các kiến thức pháp luật đất đai ứng dụng, thanh tra đất đai, các thông tư, nghị định và quy định về lĩnh vực chuyên ngành quản lý đất đai.
- Có kiến thức sâu về quản lý đất đai và quản lý đô thị và tư duy hệ thống để hỗ trợ giải quyết công việc chuyên môn.
- Có kiến thức chuyên môn sâu về kỹ thuật, công nghệ trong Quản lý Đất đai.
- Có kiến thức chuyên môn sâu về khối kiến thức quy hoạch, quản lý và bảo tồn tài nguyên đất đai, dự báo biến động tài nguyên đất đai.
- Nắm vững, phân tích được biến động giá đất, thị trường nhà đất thông qua khối kiến thức: kinh tế tài nguyên đất đai, Quản lý & Phân tích thị trường bất động sản, phân tích sinh kế trong thay đổi sử dụng đất.

3.2. Kỹ năng

Có kỹ năng phát hiện, phân tích các vấn đề phức tạp và đưa ra được các giải pháp sáng tạo để giải quyết vấn đề; sáng tạo tri thức mới trong lĩnh vực chuyên môn; có khả năng

thiết lập mạng lưới hợp tác quốc gia và quốc tế trong hoạt động chuyên môn; có năng lực tổng hợp trí tuệ tập thể, dẫn dắt chuyên môn để xử lý các vấn đề quy mô khu vực và quốc tế cụ thể như sau:

- a. Có kỹ năng làm chủ các lý thuyết khoa học, phương pháp, công cụ các phương tiện, trang thiết bị kỹ thuật hiện đại phục vụ nghiên cứu và phát triển trong lĩnh vực quản lý đất đai.
- b. Có khả năng thực hiện, tư vấn trong lĩnh vực quy hoạch kế hoạch sử dụng đất, quy hoạch nông nghiệp, quy hoạch nông thôn mới. Tham gia tư vấn về giá đất, thẩm định giá, bất động sản.
- c. Có tư duy phân tích hệ thống và sáng tạo, làm việc độc lập và làm việc theo nhóm. Có kỹ năng báo cáo, thuyết trình và thảo luận trước đám đông kết hợp với việc sử dụng ngôn ngữ, thời gian và phương tiện hỗ trợ phù hợp.
- d. Có khả năng tổng hợp, phân tích, bổ sung và đề xuất các chính sách, biện pháp phục vụ cho việc giải quyết các vấn đề kinh tế, xã hội, kỹ thuật thuộc lĩnh vực tài nguyên đất đai có hiệu quả.
- e. Có kỹ năng ngoại ngữ có thể hiểu được các báo cáo phức tạp về các chủ đề cụ thể và trù tượng, bao gồm cả việc trao đổi học thuật thuộc lĩnh vực chuyên ngành.
- f. Có thể viết được các báo cáo khoa học, báo cáo chuyên ngành; có thể giải thích quan điểm của mình về một vấn đề, phân tích quan điểm về sự lựa chọn các phương án khác nhau.

3.3. Năng lực tự chủ và trách nhiệm cá nhân

- a. Phẩm chất đạo đức và trách nhiệm nghề nghiệp cao. Thái độ làm việc nghiêm túc, có ý thức trong học tập bồi dưỡng nâng cao trình độ và công tác.
- b. Có khả năng tìm ra nghiên cứu, sáng tạo tri thức mới trong lĩnh vực Quản lý Đất đai. Có năng lực phát hiện, giải quyết vấn đề; rút ra những nguyên tắc, quy luật trong quá trình giải quyết công việc
- c. Có khả năng thích nghi với môi trường làm việc hội nhập quốc tế; có năng lực lãnh đạo và có tầm ảnh hưởng tới định hướng phát triển chiến lược của tập thể;
- d. Có năng lực đưa ra được những đề xuất của chuyên gia hàng đầu với luận cứ chắc chắn về khoa học và thực tiễn; có khả năng quyết định về kế hoạch làm việc, quản lý các hoạt động nghiên cứu, phát triển tri thức, ý tưởng mới, quy trình mới.

3.4. Ngoại ngữ trong quá trình học tập, nghiên cứu:

Nghiên cứu sinh tự học nâng cao năng lực ngoại ngữ

4. Các tiêu chí liên quan tuyển sinh

4.1 Đối tượng và điều kiện dự thi:

4.1.1. Người có bằng tốt nghiệp đại học loại giỏi trở lên đúng chuyên ngành dự tuyển hoặc bằng thạc sĩ.

4.1.2. Là tác giả 01 bài báo hoặc báo cáo liên quan đến lĩnh vực dự định nghiên cứu

đăng trên tạp chí khoa học hoặc kỷ yếu hội nghị, hội thảo khoa học chuyên ngành có phản biện trong thời hạn 03 năm (36 tháng) tính đến ngày đăng ký dự tuyển.

4.1.3. Thỏa điều kiện về năng lực ngoại ngữ: Chứng chỉ tiếng Anh TOEFL iBT từ 45 trở lên hoặc Chứng chỉ IELTS (Academic Test) từ 5.0 trở lên do một tổ chức khảo thí được quốc tế và Việt Nam công nhận cấp trong thời hạn 02 năm (24 tháng) tính đến ngày đăng ký dự tuyển; hoặc bằng tốt nghiệp đại học, bằng thạc sĩ toàn thời gian ở nước ngoài; bằng tốt nghiệp đại học các ngành ngôn ngữ nước ngoài;

4.1.4. Có đủ sức khỏe để học tập.

4.2. Ngành tuyển sinh

4.2.1. **Ngành đúng, phù hợp:** Quản lý Đất đai

4.2.2. **Ngành gần:**

- Khoa học đất
- Quản lý tài nguyên và Môi trường

5. Một số định hướng nghiên cứu

TT	Hướng nghiên cứu, lĩnh vực nghiên cứu hoặc đề tài nghiên cứu cần nhận nghiên cứu sinh	Họ tên, học vị, chức danh khoa học người có thể hướng dẫn NCS	Số lượng NCS Có thể nhận
1	Thể chế - Chính sách, quản lý nhà nước về công tác quản lý đất đai	PGS. TS. Phan Trung Hiền PGS. TS. Lê Tấn Lợi TS. Nguyễn Lan Hương	2
2	Ứng dụng công nghệ thông tin trong khai thác, giám sát, quản lý tài nguyên đất đai	GS. TS. Võ Quang Minh PGS. TS. Võ Quốc Tuấn PGS. TS. Nguyễn Thị Hồng Điệp PGS. TS. Nguyễn Hiếu Trung PGS. TS. Văn Phạm Đăng Trí PGS. TS. Nguyễn Kim Lợi	2
3	Ứng dụng công nghệ trong mô phỏng, dự báo dự đoán thảm họa thiên tai	GS. TS. Võ Quang Minh PGS. TS. Nguyễn Thị Hồng Điệp PGS. TS. Võ Quốc Tuấn TS. Phan Kiều Diễm	2
4	Ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý đất đai phục vụ sản xuất nông nghiệp và phát triển bền vững	GS. TS. Võ Quang Minh PGS. TS. Nguyễn Hiếu Trung PGS. TS. Phạm Thanh Vũ TS. Trương Chí Quang TS. Lê Cảnh Định	2
5	Đánh giá và quy hoạch chiến lược sử dụng bền vững tài nguyên đất đai	GS. TS. Lê Quang Trí PGS. TS. Nguyễn Hiếu Trung PGS. TS. Phạm Thanh Vũ TS. Lê Cảnh Định	2
6	Quản lý đất đai trong điều kiện biến đổi khí hậu	GS. TS. Võ Quang Minh GS. TS. Lê Quang Trí PGS. TS. Lê Tấn Lợi PGS. TS. Lê Anh Tuấn	2
7	Nghiên cứu thị trường đất đai	PGS. TS. Mai Văn Nam PGS. TS. Lê Tấn Lợi PGS. TS. Trương Đông Lộc	1
8	Quy hoạch vùng và phát triển đô thị bền vững	PGS. TS. Lê Tấn Lợi TS. Lê Ngọc Thạch	1
9	Quy hoạch, quản lý tổng hợp nguồn tài nguyên đất đai bền vững	GS. TS. Lê Quang Trí GS. TS. Võ Quang Minh PGS. TS. Lê Tấn Lợi PGS. TS. Lê Văn Khoa PGS. TS. Trần Văn Dũng	2

TT	Hướng nghiên cứu, lĩnh vực nghiên cứu hoặc đề tài nghiên cứu cần nhận nghiên cứu sinh	Họ tên, học vị, chức danh khoa học người có thể hướng dẫn NCS	Số lượng NCS Có thể nhận
		PGS. TS. Châu Minh Khôi	

II. MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH DẠY HỌC

Căn cứ Quyết định số 6460/QĐ-ĐHCT ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Hiệu trưởng Trường Đại học Cần Thơ về việc ban hành chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ, Chương trình dạy học ngành Quản lý Đất đai được mô tả như sau:

1. Cấu trúc chương trình dạy học

Tổng số tín chỉ toàn khóa: 90 tín chỉ cho người tốt nghiệp thạc sĩ, 120 tín chỉ cho người tốt nghiệp đại học.

1.1. Phần học phần bổ sung

1.1.1 Có bằng đại học ngành phù hợp: học bổ sung 30 tín chỉ (bắt buộc: 22 tín chỉ; tự chọn: 08 tín chỉ)

1.2. Có bằng thạc sĩ ngành gần: học bổ sung 09 tín chỉ (bắt buộc: 07 tín chỉ; tự chọn: 02 tín chỉ)

1.2. Phần các học phần trình độ tiến sĩ, các chuyên đề và tiểu luận tổng quan

1.2.1. Các học phần trình độ tiến sĩ: 08 tín chỉ (bắt buộc: 06 tín chỉ; tự chọn: 02 tín chỉ)

1.2.2. Các chuyên đề tiến sĩ: 2 chuyên đề; số tín chỉ của 2 chuyên đề: 6 TC

- Thời gian thực hiện:

+ Chuyên đề 1: năm thứ 1

+ Chuyên đề 2: năm thứ 2

1.2.3. Bài tiểu luận tổng quan

- Tổng số tín chỉ: 3 TC

- Thời gian thực hiện: năm thứ 2

1.3. Phần nghiên cứu khoa học, báo cáo khoa học, thực hiện nhiệm vụ NCS và hoàn thành luận án tiến sĩ: tổng cộng 70 TC (bắt buộc: 50 tín chỉ; tự chọn: 20 tín chỉ)

1.3.1. Nghiên cứu khoa học: năm thứ 2 hoặc 3

1.3.2. Luận án tiến sĩ: năm thứ 2 hoặc 3.

TT	Phần nghiên cứu khoa học, báo cáo khoa học, thực hiện nhiệm vụ NCS và hoàn thành luận án tiến sĩ (1.3)	Định mức (TC)	Số lượng	Bắt buộc (TC)	Tự chọn (TC)	Tổng TC	Ghi chú
1.3.1	Phần nghiên cứu khoa học			10	20	30	
1.3.1.1	Bài báo khoa học (ít nhất 2 bài báo)		2	10			
	<i>Tạp chí KH thuộc TC ISI-Scopus</i>	6	1	6			
	<i>Tạp chí KH nước ngoài có phản biện</i>	5	2	10			
	<i>Kỷ yếu quốc tế có phản biện</i>	5	2	10			
	<i>Tạp chí trong nước (theo danh mục TC Trường quy định cho NCS)</i>	4	1	4			
1.3.1.2	Báo cáo hội nghị khoa học (trong	2-4	1-3		7	7	Tự chọn

	nước/quốc tế)							trong mục 1.3.1.2
	Trong nước(tiếng Việt)							
	Oral	3						
	Poster	2						
	Quốc tế(tiếng nước ngoài)							
	Oral	4						
	Poster	3						
1.3.1.3	Seminar	0,25-2	4-11			5	5	Tự chọn trong mục 1.3.1.3
	Thuyết trình seminar	1	4					
	Tham dự báo cáo chuyên đề, seminar	0,25	8					
	Seminar về kết quả nghiên cứu toàn luận án trước bảo vệ cơ sở	2	1					
1.3.1.4	Tham gia giảng dạy/hướng dẫn thực tập/luận văn ĐH	1-2	4-8			8	8	Tự chọn trong mục 1.3.1.4
	Luận văn đại học	2	1-3					
	Giảng dạy, hướng dẫn thực tập		1-5					
1.3.2	Luận án tiến sĩ					40	40	
	Hoạt động nghiên cứu	30	1	30				
	Báo cáo kết quả nghiên cứu cho NHD và BM theo tiến độ; hoàn chỉnh luận án	10		10				
	TỔNG CỘNG			50	20	70		

2. Khung chương trình đào tạo

2.1. Có bằng đại học ngành phù hợp: học bổ sung các học phần sau đây:

TT	Mã số HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Bắt buộc	Tự chọn	Số tiết LT	Số tiết TH	HP tiên quyết	HK thực hiện
Phần kiến thức chung									
1	ML605	Triết học	3	x		45			I, II
<i>Cộng: 3 TC (bắt buộc 3 TC)</i>									
Phần kiến thức cơ sở									
2	MT698	Phương pháp nghiên cứu khoa học Tài nguyên& Môi trường	2	x		30			I, II
3	MTD615	Chiến lược và quản lý bền vững tài nguyên đất đai và môi trường	2	x		15	30		I, II
4	MT660	Kinh tế đất đai và bất động sản	2	x		15	30		I, II
5	MT654	Tin học chuyên ngành quản lý đất đai	2		x	15	30		I, II
6	MTD603	Khai thác và phát triển quỹ đất	2		x	30			I, II
7	MT655	Sinh hoạt học thuật	2		x	15	30		I, II
8	NN772	Hệ thống nông nghiệp trong phát triển bền vững	2		x	30			I, II
9	MTD616	Suy thoái và bảo tồn tài nguyên đất đai	2		x	15	30		I, II
10	MT699	Phép thí nghiệm và thống kê	2		x	15	30		I, II
11	MKH603	Sinh thái đất ngập nước và ứng dụng	3		x	45			I, II

TT	Mã số HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Bắt buộc	Tự chọn	Số tiết LT	Số tiết TH	HP tiên quyết	HK thực hiện
12	NN780	Quản lý đô thị và khu dân cư nông thôn	2		x	15	30		I, II
<i>Cộng: 12 TC (Bắt buộc 06 TC; Tự chọn: 06 TC)</i>									
Phần kiến thức chuyên ngành									
13	MT657	GIS - Viễn thám ứng dụng	3	x		15	60		I, II
14	MT659	Đánh giá đất đai nâng cao	3	x		15	60		I, II
15	NN779	Quy hoạch sử dụng đất đai nâng cao	3	x		15	60		I, II
16	MTD602	Quy hoạch vùng và đô thị	2	x		30			I, II
17	KLK604	Pháp luật về quy hoạch, bồi thường và giải phóng mặt bằng	2	x		20	20		I, II
18	MT661	Thực tập giáo trình	1	x			45		I, II
19	MTD617	Xây dựng bản đồ tài nguyên đất đai	2	x		20	20		I, II
20	MTD618	Thông kê địa lý trong quản lý đất đai	2	x		15	30		I, II
21	MT662	Trắc địa ứng dụng	2		x	15	30		I, II
22	MTD607	Quy hoạch tổng thể	2		x	30			I, II
23	MTD614	Phát triển Đô thị và Môi trường	2		x	30			I, II
24	MTD613	Phân tích và dự báo kinh tế xã hội	2		x	30			I, II
25	MTD605	Biến đổi khí hậu	2		x	30			I, II
26	MTD606	Hệ thống định vị toàn cầu GPS trong Quản lý Đất đai	2		x	30			I, II
27	MTD608	Dự báo và quản lý thảm họa	2		x	30			I, II
28	MTD609	Mô hình dự báo trong quy hoạch sử dụng đất	2		x	30			I, II
29	MTD610	Chính sách đô thị	2		x	30			I, II
<i>Cộng: 15 TC (bắt buộc: 13 TC; tự chọn: 02 TC)</i>									
Tổng cộng			30	22	8				

2.2. Có bằng thạc sĩ ngành gần: học bổ sung những học phần sau đây:

TT	Mã số HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Bắt buộc	Tự chọn	Số tiết LT	Số tiết TH	HP tiên quyết	HK thực hiện
1	MTD615	Chiến lược và quản lý bền vững tài nguyên đất đai và môi trường	2	x		15	30		I, II
2	MT660	Kinh tế đất đai và bất động sản	2	x		15	30		I, II
3	MTD603	Khai thác và phát triển quỹ đất	2	x		30			I, II
4	MTD611	Quản lý tài nguyên đất đai trên cơ sở cộng đồng	1	x		30			I, II
5	MTD610	Chính sách đô thị	2		x	30			I, II
6	MTD607	Quy hoạch tổng thể	2		x	30			I, II
7	MTD608	Dự báo và quản lý thảm họa	2		x	30			I, II
8	MTD609	Mô hình dự báo trong quy hoạch sử dụng đất	2		x	30			I, II
<i>Cộng: 09 TC (bắt buộc: 07 TC; ; tự chọn: 02 TC)</i>									
Tổng cộng			9	7	2				

2.3. Các học phần trình độ tiến sĩ

TT	Mã số HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Bắt buộc	Tự chọn	Số tiết LT	Số tiết TH	HP tiên quyết	HK thực hiện
1	MT925	Quy hoạch sử dụng đất và vùng đô thị nâng cao	2	x		15	30		I, II
2	MT926	Công nghệ tích hợp GIS và viễn thám	2	x		15	30		I, II

TT	Mã số HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Bắt buộc	Tự chọn	Số tiết LT	Số tiết TH	HP tiên quyết	HK thực hiện
		trong quản lý đất đai nâng cao							
3	MT904	Hệ thống quản lý đất đai tổng hợp	2	x		30			I, II
4	MT927	Thị trường bất động sản nâng cao	2		x	15	30		I, II
5	MT905	Công nghệ trắc địa trong quản lý đất đai	2		x	30			I, II
6	MT906	Mô hình không gian trong quản lý đất đai	2		x	30			I, II
7	MT907	Quản lý khai thác tài nguyên Đất đai nâng cao	2		x	30			I, II
8	MT908	Quản lý đất đai và Biến đổi khí hậu	2		x		30		I, II
<i>Cộng: 08 TC (bắt buộc: 06 TC; tự chọn: 02 TC)</i>									
Tổng cộng			8	6	2				

3. Kế hoạch dạy học (ghi theo thứ tự học kỳ, ví dụ: Học kỳ 1, 2, 3, 4 đối với các học phần trình độ tiến sĩ)

TT	Mã số HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Bắt buộc	Tự chọn	Số tiết LT	Số tiết TH	HP tiên quyết	Ghi chú
Học kỳ 1									
1	MT925	Quy hoạch sử dụng đất và vùng đô thị nâng cao	2	x		15	30		
2	MT927	Thị trường bất động sản nâng cao	2		x	15	30		
Học kỳ 2									
1	MT926	Công nghệ tích hợp GIS và viễn thám trong quản lý đất đai nâng cao	2	x		15	30		
2	MT905	Công nghệ trắc địa trong quản lý đất đai	2		x	30			
Học kỳ 3									
1	MT904	Hệ thống quản lý đất đai tổng hợp	2	x		30			
2	MT906	Mô hình không gian trong quản lý đất đai	2		x	30			
Học kỳ 4									
1	MT907	Quản lý khai thác tài nguyên Đất đai nâng cao	2		x	30			
2	MT908	Quản lý đất đai và Biến đổi khí hậu	2		x		30		

4. Mô tả tóm tắt các học phần

TT	Mã số HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Mô tả tóm tắt học phần	Đơn vị giảng dạy học phần
1	MT925	Quy hoạch sử dụng đất và vùng đô thị nâng cao	2	Môn học cung cấp các kiến thức từ khái quát đến chuyên sâu các vấn đề liên quan đến Quy hoạch sử dụng đất và quy hoạch vùng đô thị. Trong đó giải quyết mối quan hệ sử dụng đất hiệu quả giữa khu vực nông nghiệp và đô thị trong mối quan hệ liên kết vùng, các các giải pháp đề ứng phó với thách thức trong sử dụng đất bền vững trong tương lai.	Khoa Môi trường và Tài nguyên Thiên nhiên
2	MT926	Công nghệ tích hợp GIS và viễn	2	Môn học có nội dung về lĩnh vực nghiên cứu quy trình tích hợp Viễn thám và GIS. Ứng dụng quy trình tích hợp Viễn	Khoa Môi trường và Tài nguyên Thiên

		thám trong quản lý đất đai nâng cao		thám và GIS trong một số lĩnh vực hiện nay Môn học cung cấp kiến thức về sự quan hệ và biến động không gian và thời gian các đặc tính đất đai, cũng như các phương pháp đánh giá, nội suy không gian trên cơ sở sử dụng các phần mềm chuyên ngành.	nhiên
3	MT904	Hệ thống quản lý đất đai tổng hợp	2	Nội dung môn học sẽ tập trung cung cấp kiến thức để học viên có khả năng nắm vững kiến thức chuyên môn chung về ILMS và các hệ thống quản lý tích hợp trong các lĩnh vực. Trong đó tập trung vào cơ sở lý luận về tầm quan trọng của ILMS trong quản lý, biết được sự cấu trúc các thành phần của ILMS. So sánh và đánh giá được vai trò khác biệt về vai trò của các thành phần tham gia vào ILMS. Phân tích, đánh giá được vai trò của ILMS đối với sự phát triển của kinh tế, xã hội và môi trường. Ngoài ra còn giúp học có khả năng xây dựng và quản lý được một ILMS trong thực tế, có khả năng nhận định các vấn đề cơ bản của ILMS khi quản lý các vấn đề về kinh tế, xã hội và môi trường, cũng như các yếu tố tác động đến ILMS, hiểu được hoạt động của các tổ chức kinh tế, xã hội và môi trường, đặc biệt là đất đai và quản lý đất đai. Ngoài ra, môn học còn giúp học có kiến thức về pháp luật có liên quan đến hoạt động của ILMS trong quản lý nhà nước về đất đai.	Khoa Môi trường và Tài nguyên Thiên nhiên
4	MT927	Thị trường bất động sản nâng cao	2	Môn học sẽ tập trung cung cấp kiến thức để học viên có khả năng nắm vững kiến thức chuyên môn về bất động sản. Trong đó, tập trung vào sự hình thành thị trường bất động sản, so sánh và đánh giá được sự khác biệt hay tương đồng về tính chất của thị trường bất động sản trong và ngoài nước. Phân tích được sự phát triển của thị trường bất động sản và các yếu tố tác động đến quá trình hình thành của thị trường BĐS. Ngoài ra còn giúp học có khả năng định giá bất động sản, có khả năng nhận định các vấn đề cơ bản khi kinh doanh bất động sản và các yếu tố tác động đến quá trình kinh doanh và thị trường bất động sản của nhà nước, hiểu được hoạt động của các tổ chức tài chính, tín dụng có liên quan đến sự phát triển thị trường bất động sản. Ngoài ra còn giúp học có kiến thức về pháp luật có liên quan đến bất động sản và quản lý và phát triển tốt thị trường bất động sản.	Khoa Môi trường và Tài nguyên Thiên nhiên
5	MT905	Công nghệ trắc địa trong quản lý đất đai	2	Khái quát về đo đạc địa chính; Cơ sở dữ liệu địa chính; Công nghệ sử dụng trong đo đạc địa chính; Xây dựng lưới địa chính; Ứng dụng công nghệ trong công tác đo đạc địa chính và các sản phẩm địa chính	Khoa Môi trường và Tài nguyên Thiên nhiên
6	MT906	Mô hình không gian trong quản lý đất đai	2	Học phần nhằm cung cấp kiến thức, kỹ năng nâng cao về mô hình hóa với dữ liệu không gian phục vụ trong công tác quản lý đất đai. Phần lý thuyết gồm các kiến thức về phương pháp mô hình hóa với dữ liệu không gian như phương pháp Cellular Automata, phương pháp mô hình hóa đa tác tử; hiệu chỉnh và kiểm định mô hình. Phần thực hành giúp học viên rèn luyện kỹ năng qua các tình huống xây dựng mô hình phát triển đô thị, mô hình thay đổi sử dụng đất phục vụ công tác quản lý đất đai. Học phần này góp phần giúp học viên đạt chuẩn đầu ra về khả năng sử dụng dữ liệu không gian và mô hình để dự báo, thử nghiệm các giải pháp hỗ trợ công tác ra quyết định về đất đai.	Khoa Môi trường và Tài nguyên Thiên nhiên
7	MT907	Quản lý khai thác tài nguyên Đất	2	Học phần bao gồm những khái niệm cơ bản về tài nguyên đất đai, tình hình khai thác, sử dụng đất; khai thác các nguồn tài nguyên đất đai và các biện pháp cải tạo, bảo vệ nguồn tài	Khoa Môi trường và Tài nguyên Thiên

		đai nâng cao		nguyên; nhằm nâng cao kiến thức về khai thác và quản lý, đáp ứng sự phát triển kinh tế và giữ được nguồn lợi tự nhiên của đất nước.	nhiên
8	MT908	Quản lý đất đai và Biến đổi khí hậu	2	Học phần trang bị kiến thức chuyên môn cho NCS của các Ngành liên quan đến Quản lý đất đai và Môi trường & Quản lý tài nguyên thiên nhiên. Với kiến thức trang bị, sau khi học người học sẽ có được những kiến thức cơ bản về Quản lý đất đai trong mối quan hệ với Biến đổi khí hậu, hiểu biết phương pháp phân tích vấn đề trong các tình huống thích nghi và ứng phó với Biến đổi khí hậu trong các lĩnh vực liên quan đến Quản lý đất đai. Đây là kỹ năng thực tế mà người học cần biết trong điều kiện hiện nay ở Việt Nam nói chung và Đồng bằng sông Cửu Long nói riêng.	Khoa Môi trường và Tài nguyên Thiên nhiên

Đề cương chi tiết các học phần được đính kèm ở phần Phụ lục.

5. Phương pháp giảng dạy và học tập

- Thuyết giảng và thảo luận các vấn đề trọng tâm của môn học
- Báo cáo chuyên đề/tình huống/thảo luận nhóm
- Các bài tập cá nhân/bài tập nhóm
- Thực hành/thực tập về các nội dung của môn học
- Khảo sát thực tế/thực địa
- Tra cứu tài liệu liên quan đến môn học

6. Phương pháp đánh giá

- Điểm bài tập cá nhân/nhóm
- Điểm báo cáo chuyên đề/luận án tốt nghiệp
- Điểm thi kết thúc học phần
- Điểm học phần theo thang điểm 10 làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó được quy đổi sang điểm chữ và điểm số theo thang điểm 4 theo quy định về công tác học vụ của Trường.

Cần Thơ, ngày ... tháng ... năm 20...

**TRƯỞNG BỘ MÔN
ĐƠN VỊ PHỤ TRÁCH ĐÀO TẠO**

**TL. HIỆU TRƯỞNG
TRƯỞNG KHOA**



Võ Quang Minh

PHỤ LỤC
ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT CÁC HỌC PHẦN (*)